



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 62./CTTK-PTHT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 - Mã chứng khoán: CEC
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
 - Điện thoại: 024.3845.5777
 - Fax: 024.3823.2325
 - Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin định kỳ: Báo cáo thường niên năm 2017

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/4/2018 (đường dẫn: www.ceco.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Báo_cáo_thường_niên).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu



www.ceco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017



Địa chỉ: Số 21A Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 38455777 Fax: (84-4) 38232325
Email: engineering@ceco.com.vn



MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
5. Định hướng phát triển.....	7
6. Các rủi ro.....	8
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	19
4. Tình hình tài chính.....	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	20
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	21
2. Tình hình tài chính.....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	23
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	26
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	26
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	27
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	29
V. Quản trị Công ty.....	30
1. Hội đồng quản trị.....	30
2. Ban kiểm soát.....	36
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	41
VI. Báo cáo tài chính.....	42
1. Ý kiến kiểm toán.....	42
2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.....	42
(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này).....	42



DANH SÁCH BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.....	12
Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2017.....	12
Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc	13
Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên	18
Bảng 5: Các công ty con của công ty.....	19
Bảng 6: Tình hình tài chính	19
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	20
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông.....	20
Bảng 9: Cổ đông lớn	21
Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	22
Bảng 11: Tình hình tài sản.....	22
Bảng 12: Nợ phải trả.....	22
Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.....	24
Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT	30
Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	36
Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS năm 2016.....	41
Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ.....	42
Sơ đồ 1: Mô hình quản trị	3

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 15 ngày 13/03/2018.
- Vốn điều lệ: 59.770.360.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.770.360.000 đồng
- Địa chỉ: 21 A, Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 84-(04)-3845 5777
- Số fax: 84-(04)-3823 2325
- Website: <http://ceco.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CEC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Năng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất .

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112 CP thành lập Viện thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc.

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

- Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSĐT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Năng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày

24/10/2005) hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Ngày 01/04/2006, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và quy định của Luật Doanh nghiệp với mức vốn điều lệ ban đầu là 8.000.000.000 đồng.

Ngày 16/5/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520.000 đồng.

Ngày 29/05/2012, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập và vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất với sự tham dự của Ông Nguyễn Nam Hải- Thứ trưởng Bộ Công Thương. Trước niềm vinh dự lớn lao và tự hào này, Công ty cố gắng phấn đấu tiếp tục phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được, đoàn kết nhất trí, đẩy mạnh lao động sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và phấn đấu đứng trong nhóm 5 công ty tư vấn kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam.

Ngày 08/02/2013, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

Ngày 28/02/2014, Sở GDCK chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.988.518 cổ phần.

Ngày 20/09/2016, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 59.770.360.000 đồng.

Ngày 02/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 5.977.036 cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu và phát triển; triển khai các dự án khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền công nghệ;

- Tư vấn quy hoạch phát triển ngành; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật; tư vấn giám sát; cung cấp dịch vụ quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật;

- Khảo sát, thiết kế, hướng dẫn thi công;

- Kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng công trình;

- Cung cấp dịch vụ môi trường;

- Tổng thầu các dự án tích hợp.

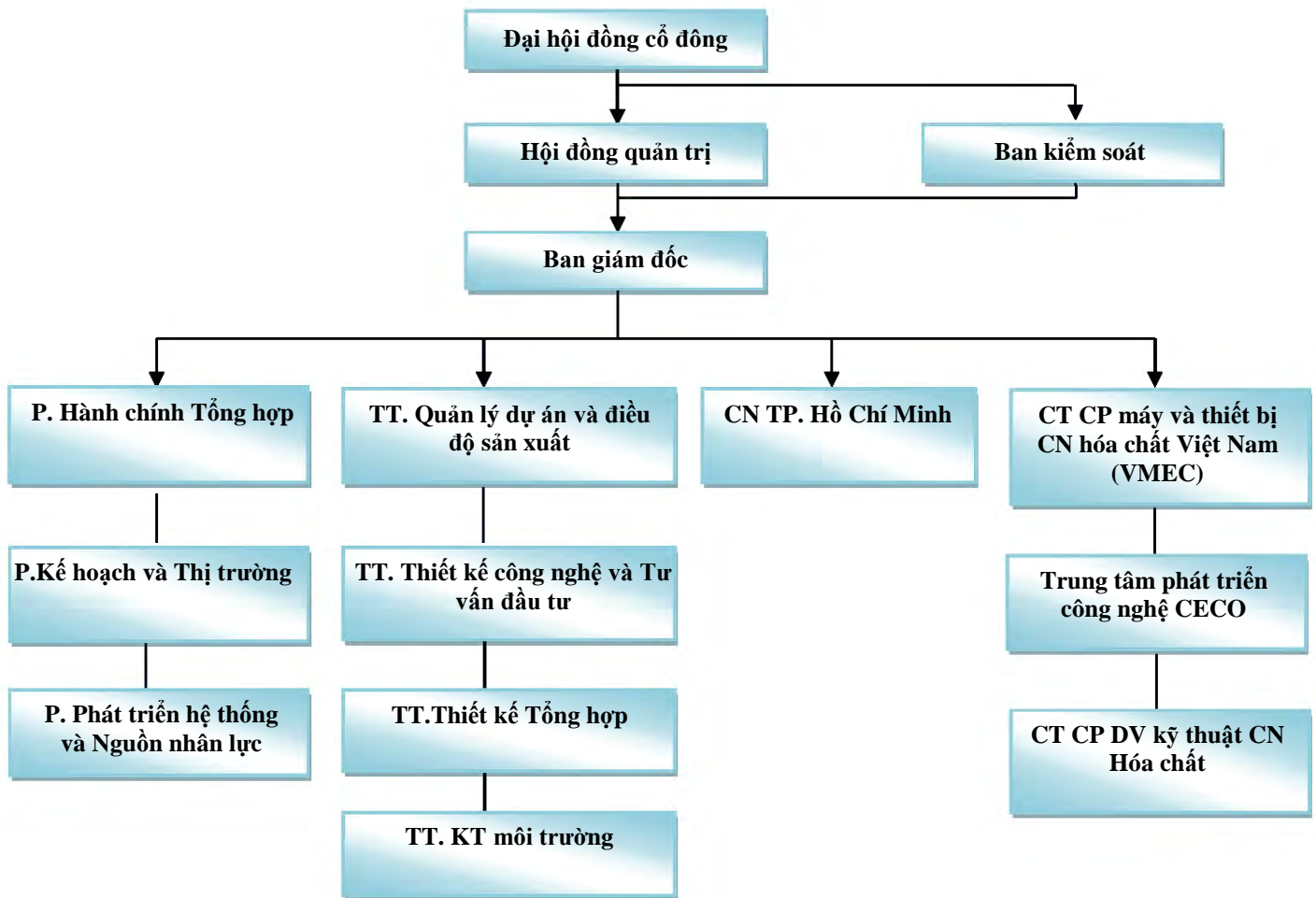
❖ Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước, tập trung ở các tỉnh: Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh, Cà Mau.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015, sửa đổi bổ sung ngày 12/9/2016.
- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất có năm (05) thành viên bao gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên HĐQT. Danh sách thành viên HĐQT hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Thành viên	Ông Đỗ Hiên Ngang
3	Thành viên	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên	Ông Nguyễn Công Thắng
5	Thành viên	Ông Nguyễn Thủy Nguyên

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Danh sách thành viên Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng ban	Bà Nguyễn Thị Dịu
2	Kiểm soát viên	Bà Trương Thị Minh Thu
3	Kiểm soát viên	Bà Trần Thị Minh Trang

❖ Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
2	Phó giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Các phòng ban chức năng:

✚ *Phòng Hành Chính Tổng hợp*

- Thực hiện công tác tài chính, kế toán; Giúp Giám đốc công ty quản lý tài sản, nguồn vốn của công ty;
- Quản lý đầu tư; dịch vụ ngoài sản xuất kinh doanh chính;
- Đảm nhiệm công tác hành chính văn phòng, quan hệ với địa phương tại Trụ sở chính;
- Thực hiện các dịch vụ hành chính nội bộ (xuất bản, giao nhận tài liệu, sửa chữa bảo trì, phát thanh, ghi hình, quản lý cơ sở vật chất...).

✚ *Phòng Kế hoạch và Thị trường*

- Xây dựng thương hiệu, xây dựng văn hóa Công ty;
- Xây dựng chiến lược phát triển;
- Marketing cơ sở dữ liệu;
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh (ngắn hạn và dài hạn);
- Quản lý công tác khoa học công nghệ và công tác nghiên cứu phát triển;
- Quan hệ công chúng, hợp tác chiến lược;

✚ *Phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực*

- Duy trì và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng toàn công ty;
- Phát triển và bảo vệ tài sản tri thức;
- Công tác pháp chế, quan hệ cổ đông (bao gồm thư ký Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát);
- Kiểm soát nội bộ (bao gồm kiểm toán nội bộ);
- Quản lý thông tin (bao gồm thư viện);
- Truyền thông nội bộ;
- Tổ chức bộ máy, lao động.

✚ *Trung tâm Quản lý dự án và điều độ sản xuất*

- Giúp Giám đốc công ty điều độ sản xuất, giao nhiệm vụ hợp đồng;
- Chào giá, dự thầu;
- Quản lý hợp đồng sản xuất, quản lý giá;
- Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình quản lý chất lượng dự án.

✚ *Trung tâm Thiết kế công nghệ và Tư vấn đầu tư*

- Thực hiện các dự án/ hợp đồng tư vấn đầu tư (lập FS, quy hoạch, chiến lược

ngành, ...)

- Thực hiện thiết kế phần công nghệ, thiết bị, cơ khí;
- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất ngành hóa chất và liên quan.

✚ *Trung tâm Thiết kế Tổng hợp*

- Thực hiện thiết kế phần xây dựng, điện, tự động hóa, nước, HVAC...;
- Thiết kế các công trình phụ trợ khác;
- Lập, thẩm tra dự toán, tính toán hiệu quả kinh tế của dự án.

✚ *Trung tâm Kỹ thuật môi trường*

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

✚ *Các đơn vị trực thuộc*

Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Trụ sở tại: 37/76 Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng giao dịch tại: lầu 8, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết.

✚ *Công ty cổ phần Máy và Thiết bị hóa chất Việt Nam*

- Trụ sở chính: Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

- Vốn điều lệ: 22.425.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại VMEC là: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại; sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

✚ *Công ty cổ phần CECO Hà Nội*

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Vốn điều lệ: 8.400.000.000 đồng (*Bằng chữ: tám tỷ bốn trăm triệu đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại Công ty CP CECO Hà Nội là: 36,4% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ thi công xây lắp nhỏ, sửa chữa chống ăn mòn các nhà máy hoá chất, khoáng sản.

✚ *Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất (gọi tắt là CECOs)*

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại CECOs là: 51% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp, sửa chữa, bảo trì các nhà máy nhiệt điện khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh.

✚ Công ty CP Công nghiệp hóa chất Tây Ninh (TANICHEM)

- Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: một trăm hai mươi tỷ đồng*)

Tỷ lệ sở hữu của CECO tại TANICHEM là: 1,14% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất phân bón.

✚ Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (*Hiện đang tiến hành các thủ tục giải thể theo nghị quyết của Hội đồng quản trị CECO*)

- Trụ sở chính: 21A, Cát Linh, Hà Nội

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: ba tỷ đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ cho thuê nhân lực quản lý dự án, dịch vụ tư vấn quản lý dự án công nghiệp.

✚ Trung tâm Phát triển công nghệ CECO

- Trụ sở chính: 21 A phố Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- Vốn điều lệ: 1.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: một tỷ sáu trăm triệu đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học, chế tạo máy, vật liệu trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hóa dược, dầu khí, thực phẩm, chế biến khoáng sản, năng lượng và môi trường.

+ Dịch vụ khoa học công nghệ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thí nghiệm; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Tham gia đào tạo, Thông tin khoa học và công nghệ; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trên.

+ Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm là kết quả của quá trình nghiên cứu trong lĩnh vực trên.

5. Định hướng phát triển

✚ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên tập trung trí tuệ, luôn đổi mới nhận thức, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, với cơ cấu giá trị hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ môi trường. Công ty đã và đang hướng tới những dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất lớn và các công trình

công nghiệp khác liên quan.

- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.

- Phấn đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ đông năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ 5 đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.

- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và dịch vụ môi trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác chi đạo, quản lý chất lượng, tiến độ các dự án đặc biệt là các dự án EPC.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có thể mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, tư vấn và định hướng cho khách hàng tiếp cận công nghệ sạch, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất phân bón và đổi mới công nghệ trong sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tích cực tham gia các phong trào vì trách nhiệm xã hội và cộng đồng do Bộ Công thương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở phát động.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2017 của Tổng cục Thống kê công bố ngày 27/12/2017 cho thấy tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao

hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2017, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,35% so với năm 2016, đóng góp 5,52 điểm phần trăm (trong đó tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư đóng góp 5,04 điểm phần trăm); tích lũy tài sản tăng 9,8%, đóng góp 3,30 điểm phần trăm; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ở tình trạng nhập siêu làm giảm 2,01 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung.

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016 và tăng 2,6% so với tháng 12 năm 2016. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2017.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Từ năm 2010 cho đến nay, lãi suất có biểu hiện tăng cao, tiếp tục biến động mạnh và diễn biến phức tạp.

Tháng 4/2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước xem xét giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, kích nền kinh tế phát triển. Sau đó gần 6 tháng, các ngân hàng mới có thể bắt đầu thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, tháng 10-2016, mặt bằng lãi suất cho vay tiền đồng phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn. Các ngân hàng thương mại nhà nước áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm.

Theo thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2017 của Tổng cục Thống kê công bố ngày 27/12/2017, tính đến thời điểm 20/9/2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,59% so với cuối năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 11,76%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 10,08% (cùng kỳ năm 2016 tăng 12,02%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 11,02% (cùng kỳ năm trước tăng 10,46%). Các tổ chức tín dụng tích cực thực hiện các chính sách và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về giảm lãi suất, lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên được các ngân hàng giảm 0,5%/năm; đối với các khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được giảm 0,5%-1%/năm; đồng thời giảm lãi suất một số chương trình cho vay trung và dài hạn đối với lĩnh vực ưu tiên xuống còn 8%/năm; tích cực triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi cho các ngành thiết yếu trong phát triển kinh tế và an sinh xã hội; đối với nhóm khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4%-5%/năm.

Trong một nền kinh tế chưa phục hồi ổn định, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết kế Công

nghiệp Hóa chất. Do đó những dự báo về triển vọng phát triển trong tương lai cũng như những kế hoạch kinh doanh đã đề ra của CECO có thể thay đổi theo biến động của nền kinh tế.

Thị trường:

Tình hình kinh tế xã hội khó khăn chung từ năm 2016. Trong năm 2017, kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn so với dự báo; giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá dầu thô ở mức thấp.

Các dự án đầu tư nói chung và các dự án về sản xuất công nghiệp nói riêng giảm đáng kể do đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc cạnh tranh cơ hội tiếp cận các dự án của Công ty.

Hiện nay cũng đã xuất hiện rất nhiều các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam có quy mô tương tự hoặc lớn hơn, có năng lực và trình độ chuyên nghiệp tham gia vào thị trường tư vấn thiết kế, mua sắm và thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Phân bón và Hóa chất đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bền vững, phụ thuộc phần lớn vào hợp đồng EPC Muối mỏ Lào, không có dự án gối đầu nên gặp khó khăn khi dự án này tạm dừng thực hiện.

Cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp đã cổ phần mà nhà nước chiếm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các chính sách có liên quan của Chính phủ. Nhìn chung, với hệ thống luật pháp và chính sách đã và đang được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, nhất quán như hiện nay sẽ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế cũng như đáp ứng được các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Điều này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình hoạt động, CECO nói riêng và các doanh nghiệp trên cả nước nói chung luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi chính sách áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ thống các qui định của pháp luật do nhà nước ban hành thay đổi quá nhiều (đặc biệt là Luật Đấu thầu; Luật Xây dựng; các Nghị định, Thông tư về quản lý dự án ĐTXDCT, quản lý chất lượng, hợp đồng, quản lý chi phí ...), đặc biệt các gói thầu xây lắp có giá trị < 5 tỷ chỉ các công ty nhỏ và siêu nhỏ được thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án mà Công ty đã tiếp thị trước đây.

Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

Công ty là công ty đại chúng, đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty phải thực hiện các quy định công bố thông tin theo các văn bản luật, các Thông tư hướng dẫn liên quan rất chặt chẽ.

6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các công ty thiết kế.

- Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà công ty cho là phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất phân bón

thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, đặc biệt là sản xuất DAP và Urê gặp nhiều khó khăn do giá các loại phân bón không cạnh tranh được với hàng nhập khẩu.

Bên cạnh những khó khăn chung của các đơn vị thuộc Tập đoàn, Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất cũng gặp khó khăn do khối lượng công việc chuyển sang năm 2017 không có, các dự án lớn như DAP số 2 chủ yếu còn phần việc bảo hành, xử lý các công việc dở dang và thanh quyết toán, dự án EPC Muối Lào tạm dừng. Mặt khác, việc khai thác các hợp đồng mới trong 6 tháng đầu năm 2017 không thuận lợi, các hợp đồng khai thác được tập trung vào 6 tháng cuối năm do vậy sản lượng và doanh thu không đạt được chỉ tiêu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đề ra.

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2016 (Đồng)	Năm 2017 (Đồng)	Tăng giảm so với 2016 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	386.621.380.748	447.398.465.028	15,72%
2	Doanh thu thuần	257.663.466.793	130.818.234.059	-49,23 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.772.889.548	(326.003.298)	-103.03%
4	Lợi nhuận khác	992.797.919	755.793.679	-23.87%
5	Lợi nhuận trước thuế	11.765.687.467	429.790.381	-96.35%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.908.177.990	111.823.848	-98.75%
7	Tỷ lệ cổ tức (%)/ mệnh giá cổ phần	10%	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017)

Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2017

Nội dung	Giá trị HĐ (tỷ đồng)		Số lượng Hợp đồng	
	Năm 2016 chuyển sang	Ký kết năm 2017	Năm 2016 chuyển sang	Ký kết năm 2017
Tư vấn Thiết kế	16,507	42,397	35	49
Thi công, xây lắp	15,576	538,314	7 (04 HĐ EPC và 03 HĐ khác)	14 (02 HĐ EPC và 12 HĐ khác)
Dịch vụ khác		1,031		4
Cộng	32,083	581,742	42	67
Tổng cộng	613,824		109	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2018)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban giám đốc và lý lịch các thành viên

❖ Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
2	Phó Giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó Giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Nguyễn Công Thắng
Số CMND	: 011637754 ngày cấp: 28/10/2004 tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 26/04/1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: TP Thái Bình- tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	: Số 3, ngõ 63, đường Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Số 23.03 nhà Central 3 khu Vinhomes Central Park, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Máy và TBCN Hóa chất – Dầu khí

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ năm 1996 đến tháng 4/1999	: Nhân viên Phòng Thiết kế công nghệ CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 5/1999 đến tháng 3/2006	: Trưởng phòng kinh tế nghiệp vụ CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/2008	: Trưởng phòng cung ứng CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2009	: Phó Giám đốc CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2012	: Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012	: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 02/2012 đến tháng 03/2012	: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Máy và Thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC)
Tháng 5/2014	: Từ nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị VMEC.

- Từ tháng 4/2012 đến tháng 01/2015 : Giám đốc Chi nhánh CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 01/2015 đến tháng 2/2018 : Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 03/2018 đến nay : Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : TV HĐQT, Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không.
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 103.398 cổ phiếu – chiếm 1,73% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT: 5.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo Quy chế Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Họ và tên : Văn Đức Thắng**
- Số CMND : 011076611. Ngày cấp: 23/10/2001 tại Công an Hà Nội.
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/3/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Phú – Hải Lăng – Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 6/1987 đến tháng 6/2002	: Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2002 đến tháng 3/2006	: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
Từ tháng 4/2006 đến tháng 10/2008	: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
Từ tháng 11/2008 đến nay	: Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 11/2015 đến nay	Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất; Chủ tịch HĐQT công ty CP CECO Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.800 cổ phiếu – chiếm 0,06% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Thù lao HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội: 2.000.000 VNĐ/tháng. Hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên	: Nguyễn Hồng Hạnh
Số hộ chiếu	: B3429729 cấp ngày 04/09/2009 tại Cục XNC Việt Nam
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 28/01/1976

Quốc tịch	:	Việt Nam
Quê quán	:	Thái Nguyên
Hộ khẩu thường trú	:	P.516A, nhà C5, Khu tập thể Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:	A1103, Chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư kinh tế hóa chất

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 6/1997 đến tháng 8/2009	Kỹ sư - Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 7/2011	Phó trưởng phòng – Phòng Quản lý thông tin và Đấu thầu thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến tháng 12/2011	Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2013	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 11/2013 đến tháng 7/2014	Phó trưởng phòng - Phòng Dự án DAP2 thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2014	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2014 đến tháng 04/2016	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 05/2016 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất (CECOs) từ tháng 11/2015 đến tháng 10/2017.
Số cổ phần nắm giữ	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 600 cổ phiếu – chiếm 0,01% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu -

chiếm 0% VDL

- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT CECOs: 2.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2. Kế toán trưởng

- Họ và tên** : **Đinh Đức Bộ**
- Số CMND** : 034062000580 ngày cấp: 24/11/2014 tại: Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính** : Nam
- Ngày tháng năm sinh** : 20/07/1962
- Quốc tịch** : Việt Nam
- Dân tộc** : Kinh
- Quê quán** : Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
- Hộ khẩu thường trú** : P.502b-TT Viện TKCNHC, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại** : Số 9, ngõ 1M Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa** : 10/10
- Trình độ chuyên môn** : Cử nhân vật giá.

Quá trình công tác

- | <i>Thời gian</i> | <i>Quá trình công tác</i> |
|-------------------------------|---|
| Từ năm 1987 đến tháng 10/1995 | : Phụ trách kế toán tại xí nghiệp sản xuất hóa chất trực thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất (CECO). |
| Từ tháng 11/1995 đến 2000 | : Nhân viên kế toán tại phòng Tài chính Kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất . |
| Từ 2001 đến tháng 3/2006 | : Phó trưởng phòng tài chính kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất |
| Từ tháng 4/2006 đến | : Kế toán trưởng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. |

tháng 3/ 2011

- Từ tháng 4/2011 đến nay : Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : TV HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng BKS Công ty CP Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam (VMEC)
Chủ tịch HĐQT CECOs từ tháng 10/2017.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 75.438 cổ phiếu – chiếm 1,26% vốn điều lệ.
: – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao TV HĐQT CECO: 5.000.000 VNĐ/tháng, lương theo quy chế
Thù lao Trưởng BKS VMEC: 1.500.000 VNĐ/tháng.
Thù lao HĐQT CECOs: 2.000.000 VNĐ/tháng.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 27/02/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng – Phó giám đốc công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kể từ ngày 01/03/2018.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ đại học trở lên	134
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp, sơ cấp	14
3	Công nhân kỹ thuật	1
4	Lao động phổ thông	1
Tổng cộng		150

(Nguồn: Danh sách lao động tại thời điểm 31/12/2017)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2017:

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng năm 2017: 1,003 tỷ VNĐ. Trong đó khoản đầu tư lớn nhất là mua phần mềm bản quyền AVERA Bocad (phần mềm tính toán kết cấu thép) với giá trị 822 triệu đồng.

b) Các công ty con:

Bảng 5: Các công ty con, công ty liên kết của công ty

STT	Công ty con	Lợi ích và quyền biểu quyết của công ty	
		Năm 2016	Năm 2017
1	Công ty cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp hóa chất Việt Nam	55,33%	55,33%
2	Công ty cổ phần CECO Hà Nội	51 %	36,4%
3	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất	51 %	51 %
4	Công ty TNHH quản lý dự án hóa chất	100 %	100 %
5	Trung tâm phát triển công nghệ CECO	100 %	100 %
6	Công ty Cổ phần Công nghiệp hóa chất Tây Ninh	1,4%	1,4%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2017)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng 6: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016 (ĐVT: đồng)	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ 2017/2016
Tổng giá trị tài sản (đồng)	386.621.380.748	447.398.465.028	115,72%
Doanh thu thuần (đồng)	257.663.466.793	130.818.234.059	50,77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	10.772.889.548	(326.003.298)	-3,03%
Lợi nhuận khác (đồng)	992.797.919	755.793.679	76,13%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	11.765.687.467	429.790.381	3,65%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	8.908.177.990	111.823.848	1,26%
Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá cổ phần)	10%	0	0%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2017)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,27	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,63	0,68	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,73	78,75	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	266,75	370,66	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,29	
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	1,67	0,63	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,46	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,45	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,30	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,18	-0,25	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2017 của CECO)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.977.036 cổ phần.
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 5.977.036 cổ phần.
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (Tập đoàn Hóa chất VN)	01	1.787.492	29,91%
2	Cổ đông tổ chức			
2.1	Tổ chức trong nước (không	03	1.520.683	25,44%

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
<i>tính Tập đoàn Hóa chất VN)</i>				
2.2	Tổ chức nước ngoài	01	8.300	0,14%
3	Cổ đông cá nhân			
3.1	Cá nhân trong nước	176	2.660.361	44,51%
3.2	Cá nhân nước ngoài	01	200	0,003%
Tổng cộng		182	5.977.036	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 12/03/2018)

- Thông tin chi tiết cổ đông lớn

Bảng 9: Cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số 1A Tràng Tiên, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	1.787.492	29,91%
2	Dương Thị Huyền Quyên	33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	017389681	1.011.026	16,92%
3	Đông Thị Thắm	Chung cư HH1B Linh Đàm, Hoàng Mai Hà Nội	060845279	581.631	9,73%
4	Đỗ Hiên Ngang	61/36 Bình Giã, P13, Tân Bình TP HCM	024241861	332.000	5,55%
5	Công ty TNHH Liên hợp xây dựng Vạn Cường	Nhà số 1, khu ga Đỗ Xá, Xã Minh Cường, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	0500297165	1.485.882	24,86%
Tổng cộng					

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 12/03/2018)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	Tỷ lệ % TH/KH 2017	Tỷ lệ % TH 2017/ 2016
Tổng doanh thu	258.514	280.000	130.849	46,73%	50,62%
Lợi nhuận trước thuế	11.766	17.760	430	2,42%	3,65%
Thuế TNDN	2.858		318		11,13%
Lợi nhuận sau thuế	8.908		112		1,26%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng 11: Tình hình tài sản

TT	Nội dung	Năm 2016 (ĐVT: đồng)	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2017 so với 2016 (%) (Tăng, giảm)
1	Tổng tài sản	386.621.380.748	447.398.465.028	15,72 %
2	Tài sản ngắn hạn	356.191.688.257	418.554.972.341	17,51 %
3	Phải thu ngắn hạn	144.679.521.657	158.995.376.720	9,89 %
4	Tài sản dài hạn	30.429.692.491	28.843.492.687	-5,21 %
5	Phải thu dài hạn	86.712.526	56.535.053	-34,80 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017)

b) Tình hình nợ phải trả

Bảng 12: Nợ phải trả

TT	Nội dung	Năm 2016 (ĐVT: đồng)	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2017 so với 2016 (%) (Tăng, giảm)
I	I. Nợ ngắn hạn	280.819.995.593	352.109.900.559	25.38634
1	Vay và nợ ngắn hạn	14.071.937.544	24.666.545.337	75,29 %
2	Phải trả người bán	42.650.685.151	47.205.295.610	10,68 %
3	Người mua trả tiền trước	189.791.307.501	251.794.159.804	32,67 %
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.069.412.442	3.313.654.739	-18,57 %
5	Phải trả người lao động	7.636.641.078	3.615.715.752	-52,65 %
6	Chi phí phải trả	21.448.651.127	20.110.100.601	-6,24 %

TT	Nội dung	Năm 2016 (ĐVT: đồng)	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2017 so với 2016 (%) (Tăng, giảm)
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	964.281.875	823.702.841	-14,58 %
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	187.078.875	580.725.875	210,42 %
II	II. Nợ dài hạn	383.524.093	231.100.000	-39,74 %
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2	Vay dài hạn	-	231.100.000	-
3	Quỹ dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
4	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	383.524.093	-	-
III	Tổng Nợ phải trả	281.203.519.686	352.341.000.559	25,30 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị nhiệm đã có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ từ 01/7/2017 như sau:

- Giải thể Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (Công ty TNHH do CECO làm chủ sở hữu).

- Giải thể Phòng Kiểm soát dự án và Quản lý giá.

- Thành lập Phòng Quản lý dự án trên cơ sở cán bộ nhân viên Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (CPMC) và Phòng Kiểm soát dự án và Quản lý giá.

- Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý: 02 trưởng phòng, 04 phó phòng, 01 phó giám đốc chi nhánh.

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.

- Sắp xếp, bố trí lại lao động của khối gián tiếp cho phù hợp nhằm giảm biên lao động khối gián tiếp phù hợp với cơ cấu lao động.

- Điều động nhân sự khối trực tiếp phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

- Bố trí nhân lực hợp lý nhằm đảm bảo công tác an sinh, xã hội.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2018 sẽ hoàn thành theo tiến độ như sau:

Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Hoàn thành 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ % so với 2018
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	56,043	385,000	687,0%
	Tư vấn TK và dịch vụ	25,392	27,500	
	Thi công, mua sắm	29,914	355,300	
	Dịch vụ khác	737	2,200	
2	Tổng doanh thu	55,128	350,000	634,9%
	Tư vấn TK và dịch vụ	15,020	25,000	
	Thi công, mua sắm	38,969	323,000	
	Doanh thu khác	1,139	2,000	
3	Lợi nhuận trước thuế	50	12,000	
4	Thu nhập bình quân/tháng	11,2	15	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2018)

4.2 Marketing và hợp tác phát triển

Đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2018.

Tiếp tục hoàn thiện các thể hiện vật chất khác để phục vụ cho công tác Marketing.

Tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

Duy trì quảng bá thương hiệu cả bên trong (nội bộ Công ty) và bên ngoài (đối với Khách hàng), xây dựng văn hóa công ty.

Mở rộng quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty, lập kế hoạch chăm sóc khách hàng, tập trung vào các khách hàng ngoài ngành.

Tích cực hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước đặc biệt là các đơn vị khoa học kỹ thuật trong nước, nhà cung cấp công nghệ nước ngoài, các nhà thầu EPC lớn trong khu vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn trong và ngoài ngành.

4.3 Nhân lực

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.

- Thiết lập cơ cấu tổ chức điều hành để duy trì và triển khai Hệ thống quản lý tích hợp mà công ty mới được đánh giá chứng nhận trong năm 2017.

- Duy trì và phát triển nguồn nhân lực chủ chốt và nguồn lực chuyên môn nghiệp vụ.

- Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2018, trong đó chú trọng phương án giữ chân người lao động có chuyên môn nghiệp vụ yên tâm làm việc lâu dài tại Công ty.

- Lập kế hoạch đào tạo năm 2018.

4.4 Tài chính

- Làm việc với ngân hàng về việc cấp giới hạn tín dụng cho Công ty năm 2018.

- Cân đối đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và các khoản chi thường xuyên tại Công ty.

- Hoàn thiện các công việc có liên quan đến việc tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

4.5 Quản lý khoa học kỹ thuật, chất lượng

a) Công tác quản lý khoa học

- Đề tài Cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý: Bảo vệ đề xuất thuộc chương trình công nghiệp môi trường.
- Đề tài NCKH Cấp Nhà nước do Bộ KH&CN quản lý: Xây dựng đề xuất thuộc các chương trình dự án khoa học công nghệ và các đề tài độc lập, đề tài thuộc các chương trình.
- Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2017: Bảo vệ Đề tài tại đơn vị quản lý (Bộ Công Thương)
- Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2018: Ký hợp đồng thực hiện Đề tài:
 - + “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất phốt pho vàng công suất 10.000 tấn/năm”;
 - + “Nghiên cứu công nghệ, thiết kế chế tạo thiết bị thu hồi bụi theo nguyên lý thấm ướt, ứng dụng cho các dây chuyền sản xuất phân bón NPK”.
- Đề tài Cấp Công ty: hoàn thành nghiệm thu 17 đề tài với khối lượng đạt 268 triệu đồng.

b) Công tác quản lý chất lượng

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 theo kế hoạch hàng năm.
- Tổ chức cập nhật hoàn thiện 07 quy trình của HTQLCL ISO 9001:2015, bên cạnh đó kết hợp bổ sung, cập nhật một số Hướng dẫn công việc có liên quan.
- Tổ chức việc xây dựng 37 Hướng dẫn công việc (HDCV) khối nghiệp vụ; 04 HDCV khối Thiết kế.
- Hoàn thành phối hợp với GIC Việt Nam trong việc tổ chức đánh giá giám sát Lần thứ 1 của 03 chứng chỉ ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007 niên hạn 2017-2020 do GIC Việt Nam thực hiện vào tháng 9 năm 2018.
- Thực hiện đánh giá chất lượng công tác chuyên môn hàng tháng của các bộ phận thiết kế và kỹ thuật phục vụ đánh giá chất lượng công tác chung của các đơn vị trong Công ty.
- Duy trì đầy đủ các công tác thường xuyên bao gồm:
 - Xác nhận các dữ liệu vào và kết quả đầu ra trên cơ sở kiểm tra việc tuân thủ sự đầy đủ và sự phù hợp với các quy trình, quy định về quản lý chất lượng mà các Phòng phải thực hiện;
 - Phối hợp với các Chủ nhiệm (dự án, thiết kế, ...) tổ chức các cuộc họp kỹ thuật với sự tham gia của cán bộ kỹ thuật các bộ môn liên quan trong Công ty và của các

chuyên gia bên ngoài (trong trường hợp cần thiết) để xác định, thông qua các giải pháp kỹ thuật chính của các dự án trong quá trình triển khai thực hiện;

- Tham gia và phối hợp với CETD tổ chức thẩm tra, nghiệm thu chuyên đề các nhiệm vụ KH&CN theo tiến độ kế hoạch của nhiệm vụ theo yêu cầu của CETD;
- Theo dõi, tiếp nhận, đánh giá các báo cáo giám sát, khảo sát;
- Tham gia công tác QC theo yêu cầu triển khai dự án NPK Đạm Cà Mau;
- Phối hợp với các Chủ nhiệm (dự án, thiết kế, ...) tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm các dự án đã thực hiện. Dự kiến, có thể đánh giá dự án Lân Văn Điền sau khi chủ đầu tư nghiệm thu thiết kế.

4.6 Pháp chế và kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

a) Công tác pháp chế

- Hoàn thành thủ tục giải thể Chi nhánh Phú Thọ và Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (Theo tiến độ quyết toán thuế).
- Hoàn thành việc xin cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 1 tại Bộ Xây dựng.
- Hoàn thành xin cấp giấy phép tư vấn hoạt động điện lực tại Sở Công Thương;
- Chuẩn bị các nội dung đấu tranh pháp lý liên quan đến dự án Muối Lào.
- Ban hành Quy chế trả lương áp dụng cho năm 2018 phù hợp với quy định mới.
- Hoàn thiện và ban hành một số quy định nội bộ phục vụ công tác quản trị công ty như Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế khoán các hợp đồng kinh tế, Quy định về hoa hồng môi giới và thưởng tiếp thị.

b) Công tác kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

- Lập và thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ 2018;
- Theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác của Người đại diện phần vốn CECO tại doanh nghiệp khác.

4.7 Tin học

- Triển khai kế hoạch công nghệ thông tin năm 2018 trong đó có việc đầu tư nâng cấp dung lượng máy chủ, cải tiến giao diện website và weboffice;
- Kiểm tra việc sử dụng máy chủ của các đơn vị và đề xuất cải tiến việc dùng máy chủ trong thực hiện dự án tại trụ sở;
- Tiếp tục trang bị thêm phần mềm bản quyền đáp ứng nhu cầu làm việc của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD và các công việc quản trị công ty năm 2017, cụ thể như:

- Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị ĐHĐCĐ

thường niên năm 2017 tại Hà Nội vào ngày 15/4/2017; Hội nghị người lao động năm 2017 và Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công ty tại Hà Nội vào ngày 29/5/2017.

- Đẩy mạnh công việc nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng EPC lớn thuộc dự án: ĐTXD Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 tại Tầng Lòong, Lào Cai; xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến việc tạm dừng của Dự án Muối Lào, tổ chức triển khai hợp đồng EPC dự án NPK Cà Mau và các công việc tư vấn khác.

- Hoàn thành lập Báo cáo tài chính năm 2016 và thực hiện kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính tổng hợp các quý, 6 tháng, năm.

- Việc công bố thông tin đã thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật. Hoàn thành trả cổ tức năm 2016 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Để thực hiện nghị quyết Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017 và các quyết định của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo, đôn đốc Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành của Công ty, nổi bật là các nội dung sau:

- Kịp thời sơ kết, đánh giá hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm; Lập kế hoạch SXKD hàng quý trình HĐQT, BKS theo Điều lệ quy định.

- Cải tiến công tác kế toán quản trị, dự báo tài chính và quản lý chi phí như việc lập kế hoạch dòng tiền, phân tích và đưa ra dự báo các chỉ số tài chính, các khuyến cáo đề GDCT nắm bắt và xử lý kịp thời.

- Đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án và đốc thu các hợp đồng.

- Không chể chi phí quản lý chung bằng các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chặt chi phí sửa chữa, mua sắm. Giao bộ phận kế toán - tài chính cập nhật chi phí hàng tháng để Giám đốc Công ty có các biện pháp cắt giảm chi phí.

- Tái cấu trúc lao động trong đó tinh giản bộ máy gián tiếp, nâng cao năng suất lao động, ngăn chặn tình trạng chảy máu chất xám tại bộ phận sản xuất.

- Bám sát mục tiêu SXKD đề ra để điều độ, đánh giá và quyết định kịp thời tại các cuộc họp giao ban tháng, quý.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc phải nỗ lực hơn nữa trong việc tiếp thị các hợp đồng, đưa công ty vượt qua tình trạng khó khăn.

Đứng trước nguy cơ không hoàn thành về kế hoạch doanh thu, sản lượng và lợi nhuận năm 2017, tại phiên III.8 ngày 28/9/2017 HĐQT thể hiện quan điểm quan ngại sâu sắc về công tác điều hành sản xuất, tiếp thị và quản trị nội bộ của Công ty, đồng thời yêu cầu Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý điều hành cần nỗ lực vượt bậc trong quý IV năm 2017, đổi mới cung cách quản lý điều hành, đặc biệt tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất và công việc đấu thầu. Bên cạnh đó, về phía người lao động HĐQT cũng kêu gọi toàn thể người lao động Công ty tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, chủ động kịp thời đề đạt ý kiến tháo gỡ các khó khăn vướng mắc với lãnh đạo để nâng cao năng suất, hiệu quả trong công việc

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Công tác cổ đông, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo Luật Doanh

nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến Công ty đại chúng, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời;

- Thực hiện chức năng giám sát tài sản và vốn Công ty;

- Phối hợp hoạt động với Đảng ủy, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty.

- Xây dựng đề án tái cấu trúc công ty về mặt lao động và bộ máy, giải thể công ty TNHH do CECO làm chủ sở hữu.

- Xây dựng quy chế, xây dựng bộ máy và lãnh đạo công tác phát triển nguồn nhân lực

- Lãnh đạo công tác xây dựng quy chế, quy định nội bộ:

+ Các quy trình, quy định, hướng dẫn đã được xây dựng, ban hành áp dụng: Sửa đổi Quy chế Lương; ban hành Nội quy lao động, xây dựng các hướng dẫn công việc thuộc khối thiết kế, xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty. hoàn thành việc xây dựng 38/75 Hướng dẫn công việc khối nghiệp vụ.

+ Các Quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn đang trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện: Quy chế quản lý tài chính, Quy trình thiết kế,...

- Chỉ đạo chặt chẽ công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng - đào tạo, cụ thể:

+ Giải thể: Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (đơn vị CECO là chủ sở hữu)

+ Giải thể Phòng Kiểm soát dự án và Quản lý giá.

+ Thành lập lại Phòng Quản lý dự án, Phòng Kinh tế Dự toán.

+ Miễn nhiệm toàn bộ các chức danh cán bộ quản lý, điều hành của Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất và Phòng Kiểm soát dự án và Quản lý giá.

+ Bổ nhiệm 02 Trưởng phòng, 04 phó phòng và 01 Phó Giám đốc Chi nhánh.

+ Tuyển dụng được 8 kỹ sư, cử nhân mới.

- Lãnh đạo công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư và xây dựng tài sản tri thức

- Nghiên cứu khoa học: Hoàn thành quyết toán 01 đề tài cấp Nhà nước, nghiệm thu 04 đề tài cấp Bộ và tiếp tục triển khai 37 đề tài cấp Công ty với tổng giá trị thực hiện là 981 triệu đồng.

- Công tác đầu tư: Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như mua phần mềm bản quyền tính toán kết cấu thép Bocad của AVEVA ,...).

- Lãnh đạo, kiểm soát và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài sản:

- nỗ lực thực hiện tốt vai trò chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2017;

- Chủ động đảm bảo tài chính để thực hiện các công việc;

- Trực tiếp chỉ đạo các dự án lớn là nghiệm thu, thanh quyết toán dự án DAP2, Xử lý các công việc liên quan đến tạm dừng dự án Muối Lào; lập kế hoạch và tổ chức triển khai dự án NPK Cà Mau

- Đối chiếu với các mục tiêu chính của năm 2016, HĐQT đánh giá như sau:
 - Công tác cổ đông: Hoàn thành tốt, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
 - Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh: Chưa đạt.
 - Xây dựng thương hiệu, văn hóa Công ty: Khá.
 - Công tác tiếp thị: Chưa đạt.
 - Xây dựng quy chế và kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác: Khá.
 - Công tác tái cấu trúc Công ty và chi nhánh: Tốt.
 - Công tác nghiên cứu khoa học: Tốt.
 - Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Chưa đạt.
- Đánh giá hoạt động của Giám đốc Công ty
 - Về quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn: Tốt.
 - Về quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Chưa đạt.
 - Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và chi nhánh: Khá.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Mục tiêu chính:
 - Hoàn thành kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ giao.
 - Tiếp thị thành công, ký được hợp đồng lớn gói thầu về nhiệt điện.
 - Tăng cường tối đa các nguồn thu có thể như cho thuê mặt bằng, thu nhập từ hoạt động tài chính; không chế chi phí để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận.
 - Phát triển nguồn nhân lực và chăm sóc nhân viên.
- Dự kiến chương trình hoạt động của HĐQT năm 2018
 - Tháng 2: Triển khai công tác đầu năm; Thông qua kế hoạch tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018; Chỉ đạo ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch trình ĐHĐCĐ; đôn đốc công tác quyết toán và lập Báo cáo tài chính; Chỉ đạo công tác tổng kết năm.
 - Tháng 4: Xem xét BCTC năm 2017 và kết quả kiểm toán; Thông qua các văn bản trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018; Chỉ đạo người đại diện phần vốn tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018 tại các công ty con; xem xét kết quả hoạt động quý I và kế hoạch triển khai quý II.
 - Tháng 6,7: Triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ; xem xét kết quả hoạt động quý II và kế hoạch triển khai quý III; đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn tại các công ty con và đơn vị thành viên; Kiểm tra công tác tiếp thị
 - Tháng 9: Xem xét kết quả hoạt động quý III và kế hoạch triển khai quý IV; các biện pháp bảo đảm vốn và đầu tư; Thảo luận các biện pháp tăng cường tài chính, đôn đốc doanh thu.
 - Tháng 11, 12: Các biện pháp bảo đảm doanh thu, lợi nhuận. Rà soát hoạt động của HĐQT, BKS trong năm và chương trình hoạt động năm sau; Tổng kết công tác quản trị

Công ty.

- Trọng tâm hoạt động:
 - Kiểm soát sát sao công tác sản xuất kinh doanh và quản trị công ty.
 - Kiểm soát, bảo toàn vốn tại các công ty con, công ty liên kết.
 - Kiểm toán nội bộ năm 2018.
 - Thực hiện các giải pháp đồng bộ để hạn chế tình trạng thất thoát nguồn nhân lực, song song với tinh giản bộ máy.
 - Chỉ đạo công tác tiếp thị chiến lược, tham gia các dự án về nhiệt điện và chiến dịch marketing 2018.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

- ❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Thành viên HĐQT	Ông Đỗ Hiên Ngang
3	Thành viên HĐQT	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Công Thắng
5	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Thủy Nguyên

❖ Lý lịch thành viên:

Họ và tên	: Nguyễn Mạnh Hùng
Số CMND	: 011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1961
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phường Cự khởi, Quận Long Biên, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số 26, Ngách 75, ngõ Thịnh Hòa 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1985 đến tháng 9/2000	: Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 10/2000 đến	: Phó phòng Thiết kế Xây dựng CTCP Thiết kế công

tháng 12/2007	:	ngành Hóa chất
Từ năm 2008 đến tháng 1/2011	:	Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 2/2011 đến tháng 6/2011	:	Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2011	:	Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 4/2011 đến tháng 02/2018	:	Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 3/2018 đến tháng 4/2018	:	Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 4/2018 đến nay	:	Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 36.400 cổ phiếu – chiếm 0,61% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 1.787.492 cổ phiếu - Chiếm 29,9% VDL.
Số cổ phần của người có liên quan	:	4.922 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL.
- <i>Họ tên người có liên quan</i>	:	<i>Nguyễn Đình Hoàng</i>
- <i>Quan hệ</i>	:	<i>Con ruột</i>
- <i>Chức vụ tại tổ chức giao dịch</i>	:	<i>Không</i>
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao HĐQT CECO 5.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách theo quy chế từ ngày 01/4/2018 (không hưởng thù lao).
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	: Đỗ Hiên Ngang
Số CMND	: 024241861. Ngày cấp: 17/12/2007 tại: Công an TP Hồ Chí Minh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07-02-1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Thụy Phú, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội
Hộ khẩu thường trú	: 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Chỗ ở hiện tại	: 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 1988 đến tháng 5/1999	: Nhân viên Chi nhánh (CN) Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 6/1999 đến tháng 7/2001	: Phó Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 8/2001 đến tháng 3/2006	: Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2006 đến tháng 7/2009	: Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc CN CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh .
Từ tháng 8/2009 đến tháng 6/2011	: Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến tháng 03/2018	: Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 4/2018 đến nay	: Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 332.000 cổ phiếu - chiếm 5,55% vốn điều lệ - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% vốn điều lệ.
Số cổ phần của người có liên quan	: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Năm 2017 không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên : **Đình Đức Bộ**

Đã nêu trong phần lý lịch Kế toán trưởng

Họ và tên : **Nguyễn Công Thắng**

Đã nêu trong phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Thủy Nguyên**

Số hộ chiếu	: 011691926 cấp ngày 25/07/2007 tại Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 29/03/1958
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	:
Hộ khẩu thường trú	: Số 33 phố Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư máy hóa

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty vận tải Thủy
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không

Các khoản nợ đối với : Không

Công ty

Thù lao và các khoản : Thù lao HĐQT CECO: 5.000.000 VNĐ/tháng.

lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối : Không

với Công ty

❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:** Trong năm 2017 HĐQT đã tiến hành họp 5 phiên và 3 lần xin ý kiến bằng văn bản, cụ thể:

1. Phiên III.5, họp ngày 21/02/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua chương trình khung và kế hoạch chuẩn bị hội nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2017; Quyết định ngày chốt quyền dự hội nghị ĐHCĐ thường niên 2017.

- Xem xét Tờ trình của Người đại diện phần vốn về việc điều chỉnh tiến độ dự án Sorbitol Tây Ninh thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- Thông qua một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty và giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho Người đại diện phần vốn tại các công ty con.

- Thông qua chủ trương đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp để tăng thu nhập từ hoạt động tài chính.

2. Phiên III.6, họp ngày 30/3/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua chương trình và các tài liệu Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Trả lời Người đại diện phần vốn tại các công ty con về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Nghe báo cáo sơ bộ kết quả kinh doanh quý I/2017.

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế lương.

- Công tác cán bộ.

- Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh năm 2017 (phương án phục vụ công việc vay vốn, bảo lãnh giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) - Chi nhánh Hoàn Kiếm).

3. Phiên III.7, họp ngày 16/5/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Nghe BKS báo cáo về việc thay đổi các chức danh trong BKS.

- Nghe Báo cáo tài chính Quý I năm 2017.

- Một số vấn đề triển khai Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017.

- Xem xét chủ trương giải thể Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất.

- Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự.

- Chủ trương góp vốn tại 2 công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật công

nghiệp hóa chất và Công ty CP CECO Hà Nội.

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại TANICHEM về việc TANICHEM muốn vay vốn của cổ đông theo tỷ lệ sở hữu và chủ trương thoái toàn bộ vốn tại TANICHEM.

- Xử lý vấn đề nhà 37/76 Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các biện pháp tăng cường tiếp thị, quản lý nhân lực, thu hồi tiền cho vay từ các công ty con, tăng thu giảm chi...

4. Phiên III.8, họp ngày 28/9/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua nội dung hợp đồng EPC và kế hoạch tổng thể thực hiện gói thầu “Thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị, thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và chạy thử” thuộc Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ Urea nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm của Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

- Xem xét báo cáo công tác sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch triển khai công việc Quý IV năm 2017.

- Xem xét việc sửa đổi Quy chế Lương (QCL) và bổ sung nhân lực cho sản xuất kinh doanh theo đề xuất của Giám đốc Công ty.

- Các nội dung liên quan đến Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất (CECOs).

- Vấn đề Dự án Muối Lào.

- Thảo luận phương án tái cấu trúc Công ty.

5. Phiên III.9, họp ngày 29/12/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Xem xét báo cáo kết quả công tác sản xuất kinh doanh năm 2017 và triển khai công việc năm 2018.

- Xem xét ý kiến của đại diện cổ đông lớn đối với công tác thông tin, báo cáo, phản hồi.

- Công tác cán bộ.

- Sửa đổi Quy chế Lương.

- Vấn đề tái cấu trúc Công ty.

6. Trong năm 2017, Bên cạnh các cuộc họp được tổ chức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến để thông qua nghị quyết bằng văn bản 3 lần để quyết định một số vấn đề:

- Bổ sung nhiệm vụ của Phòng Kinh tế Dự toán.

- Giao Giám đốc Công ty quyền xử lý và ký các văn bản liên quan đến việc tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào.

- Ngày chốt quyền trả cổ tức năm 2016.

Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh năm 2017 (phương án phục vụ công việc vay vốn, bảo lãnh giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Ba Đình)/.

2. Ban kiểm soát

- ❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng BKS	Bà Nguyễn Thị Dịu
2	Thành viên BKS	Bà Trương Thị Minh Thu
3	Thành viên BKS	Bà Trần Thị Minh Trang

- ❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Nguyễn Thị Dịu
Số CMND	: 013270858 cấp ngày 17/04/2010 tại Hà Nội.
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 13/05/1981
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	:
Địa chỉ thường trú	: 206C, nhà B, tổ 30, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 206C, nhà B, tổ 30, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2005 đến nay	: Làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 134
Từ tháng 5/2017 đến nay	: Trưởng BKS chuyên trách Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Trưởng BKS chuyên trách.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư và Xây dựng công trình 134
Số cổ phần nắm giữ	: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người	: Không

có liên quan

Quyền lợi mâu thuẫn : Không
với lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không
Công ty

Thù lao và các khoản : Không
lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối : Không
với Công ty

Họ và tên	: Trương Thị Minh Thu
Số CMND	: 013014266, cấp ngày 03/11/2011. Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 24/6/1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đà Nẵng.
Hộ khẩu thường trú	: P.109 TT Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Căn 2705 Tòa A Chung cư Mulberry Lane, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán; Cử nhân Luật; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
- Từ 11/2000-12/2002	: Nhân viên văn phòng, Trung tâm Thiết bị dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề
- Từ 12/2002-11/2003	: Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Việt Vương.
- Từ 11/2005-8/2007	: Nhân viên Phòng Dự án tại Công ty TNHH 3C Công nghiệp.
- Từ 8/2007-3/2013	: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ 4/2013-10/2013	: Phó Trưởng Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ 11/2013-05/2016	: Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Công ty Cổ phần

- Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ 05/2016-04/2017 : Trưởng BKS chuyên trách Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
 - Từ 05/2017-02/2018 : Kiểm soát viên, Phó trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
 - Từ 03/2018 đến nay : Kiểm soát viên, Phó trưởng Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng BKS Công ty CP CECO Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 500 cổ phiếu – chiếm 0,01% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của người có liên quan : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS CECO: 3 triệu VNĐ/Tháng.
Thù lao Trưởng BKS Công ty CP CECO Hà Nội: 1,5 triệu VNĐ/tháng.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Họ và tên	: Trần Thị Minh Trang
Số CMND	: 162598971 cấp ngày 09/08/2001 tại Công an Nam Định
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 16/02/1985
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Nam Định
Hộ khẩu thường trú	: 11/3/469 Trần Huy Liệu, P. Văn Miếu. TP. Nam Định
Chỗ ở hiện tại	: Số 11, ngách 20, ngõ 1 phố Đại Linh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 8/2008 tới 12/2008	: Công việc: kế toán lương Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH FASHIONLINE SAIGON Địa chỉ: Số 11, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam – Singapo, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương)
Từ 01/2009 đến 12/ 2009	Công việc: kế toán công nợ nước ngoài Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH YOUNGONE Nam Định Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định
Từ 02/2010 đến tháng 8 năm 2012	Công việc: kế toán tổng hợp/kế toán thuế Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH Long Thành Hưng Yên Địa chỉ: đường Mễ Trì kéo dài, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Từ 10/2012 đến 03/2013	Công việc: kế toán quản trị Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán – Tài chính) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2013 đến 11/2014	Công việc: công tác mua sắm/ thư ký dự án Đơn vị công tác : (Phòng quản lý dự án DAP2) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 03/2014 đến 12/2017	Công việc: kiểm toán nội bộ/thư ký lãnh đạo/công tác cổ đông Đơn vị công tác : (Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2016 đến 12/2017	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 01/2018 đến nay	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Không.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS: 3.000.000 VNĐ/tháng
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã tổ chức 5 cuộc họp, cụ thể:

- ***Phiên III.5 họp ngày 28/3/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:***

+ Đánh giá, giám sát kết quả SXKD năm 2016 của Công ty và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2017;

+ Đánh giá, giám sát của BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành trong năm 2016.

+ Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS năm 2016 và giữa hai kỳ họp của ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017.

+ Lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2017.

+ Thông qua toàn văn dự thảo Báo cáo của BKS trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017.

- ***Phiên III.6 họp ngày 11/5/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:***

+ Thông báo về kết quả Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

+ Bầu thay thế Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ III.

+ Thông qua Chương trình làm việc của Ban Kiểm soát năm 2017 và giữa 2 kỳ Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017-2018.

+ Đánh giá, giám sát của BKS về kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty Quý I và triển khai nhiệm vụ Quý II năm 2017.

- ***Phiên III.7 họp ngày 23/8/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:***

+ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2017 và giải pháp thực hiện SXKD 6 tháng cuối năm 2017;

+ Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2017.

- ***Phiên III.8 họp ngày 28/10/2017 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:***

+ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2017 và giải pháp thực hiện SXKD quý IV năm 2017;

+ Xem xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017;

+ Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về thực

hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Kiểm điểm hoạt động của BKS 9 tháng đầu năm 2017

- **Đánh giá các phiên họp của BKS**

+ Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự. Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.

+ Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức HC, Trưởng phòng Kế hoạch KD, Trưởng phòng Pháp chế,... Các thành viên BKS đã chất vấn đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- **Lương:**

+ Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm nhiệm vụ chuyên trách, Ban Giám đốc hưởng lương theo Quy chế Lương của Công ty. Hệ số để tính lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bằng Giám đốc Công ty, của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách tương đương Phó giám đốc Công ty.

+ Các thành viên HĐQT không hưởng lương, chỉ có thù lao. Trường hợp kiêm nhiệm công tác điều hành thì được hưởng lương theo vị trí điều hành.

+ Các kiểm soát viên không hưởng lương, chỉ có thù lao.

- **Thưởng:** Năm 2017 do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, không hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao nên HĐQT không đề xuất chi thưởng cho HĐQT và ban điều hành.

- **Thù lao:** Các thành viên trong HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, cụ thể:

Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS năm 2017

Nội dung	Thù lao/tháng	Năm 2017 (VNĐ)
I. Mức thù lao của HĐQT		
1. Chủ tịch HĐQT	Không	Không
2. Thành viên HĐQT (4 thành viên)	5.000.000 đồng/tháng	240.000.000 đồng
II. Mức thù lao của BKS		
1. Trưởng BKS	Không	Không
2. Thành viên BKS (2 thành viên)	3.000.000 đồng/tháng	72.000.000 đồng
Tổng cộng mức thù lao trả/năm		312.000.000 đồng

b) *Giao dịch của cổ đông nội bộ:*

Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1.	Nguyễn Thị Yên Hoa	CĐNB	713.552	11,94	0	0	Mua bán cổ phiếu
2.	Đông Thị Thắm	CĐNB	871.855	14,59	581.631	9,73	
3.	Đỗ Hiền Ngang	CĐNB	422.595	7,07	332.000	5,55	
4.	Đình Đức Bộ	CĐNB	175.438	2,94	75.438	1,26	
5.	Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	CĐNB	0	0	1.485.882	24,86	

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD gửi chốt ngày 12/3/2018 và các bản CBTT của cổ đông nội bộ)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HDQT và ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ công ty, các quy định về quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần thiết kế Công nghiệp hóa chất tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán

(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO THÁP LỆT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Cường



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp
Hóa chất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0100103520 ngày 13 tháng 3 năm 2018
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 15 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 13 tháng 3 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy Nguyễn	Ủy viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Dịu	Trưởng ban (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Bà Trương Thị Minh Thu	Trưởng ban (đến ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên
	Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Bang	Thành viên (đến ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2018)
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2018)
	Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
	Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2018)
Trụ sở đăng ký	Số 21A, Phố Cát Linh Phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-389-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		418.554.972.341	356.191.688.257
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	82.137.132.695	89.771.146.984
Tiền	111		32.137.132.695	26.540.096.984
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	63.231.050.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.995.376.720	144.679.521.657
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(a)	126.426.744.098	109.090.961.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.926.124.137	23.579.583.902
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	1.900.083.748	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.111.967.942
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.548.781.291	11.703.364.677
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
Hàng tồn kho	140	11	177.288.174.975	120.533.512.938
Hàng tồn kho	141		177.407.631.124	120.652.969.087
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.456.149)	(119.456.149)
Tài sản ngắn hạn khác	150		134.287.951	1.207.506.678
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	725.293.011
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		134.287.951	482.213.667

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		28.843.492.687	30.429.692.491
Các khoản phải thu dài hạn	210		56.535.053	86.712.526
Phải thu dài hạn khác	216		56.535.053	86.712.526
Tài sản cố định	220		20.222.900.901	23.437.639.785
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.564.202.638	20.763.499.389
Nguyên giá	222		41.874.855.571	44.249.145.717
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.310.652.933)	(23.485.646.328)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.658.698.263	2.674.140.396
Nguyên giá	228		6.074.916.400	5.252.116.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.416.218.137)	(2.577.976.004)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	2.388.459.873	2.523.326.263
Xây dựng cơ bản dở dang	242		2.388.459.873	2.523.326.263
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	4.819.767.482	1.638.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.181.767.482	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.355.829.378	2.744.013.917
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.355.829.378	2.744.013.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		447.398.465.028	386.621.380.748

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	130.848.779.559	258.513.896.387
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	30.545.500	850.429.594
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	130.818.234.059	257.663.466.793
Giá vốn hàng bán	11	26	110.968.508.724	201.596.177.679
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		19.849.725.335	56.067.289.114
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.240.466.760	1.768.866.374
Chi phí tài chính	22	28	1.663.464.479	1.479.754.751
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.392.100.603</i>	<i>724.723.839</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		88.856.485	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	21.841.587.399	45.583.511.189
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26}	30		(326.003.298)	10.772.889.548
Thu nhập khác	31	30	1.307.719.565	1.743.178.934
Chi phí khác	32		551.925.886	750.381.015
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		755.793.679	992.797.919
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		429.790.381	11.765.687.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	317.966.533	2.857.509.477
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		111.823.848	8.908.177.990

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		111.823.848	8.908.177.990
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(477.787.822)	8.157.958.963
Cổ đông không kiểm soát	62		589.611.670	750.219.027
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(80)	2.199

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Thắng
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		429.790.381	11.765.687.467
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.362.514.862	5.013.842.922
Các khoản dự phòng	03		-	(955.873.816)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(425.906.311)	663.591.943
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.858.834.200)	(2.045.402.818)
Chi phí lãi vay	06		1.392.100.603	724.723.839
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.899.665.335	15.166.569.537
Biến động các khoản phải thu	09		(31.247.770.838)	(23.328.047.746)
Biến động hàng tồn kho	10		(66.916.662.559)	(75.061.474.517)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		76.532.027.910	36.556.611.213
Biến động chi phí trả trước	12		1.366.870.694	(42.575.734)
			(16.365.869.458)	(46.708.917.247)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.482.408.365)	(788.513.863)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(996.908.371)	(3.002.200.824)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.140.500.000	532.533.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.108.216.093)	(554.567.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.812.902.287)	(50.521.665.934)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

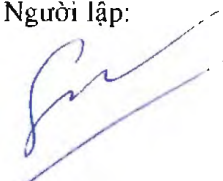
Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.477.441.140)	(13.050.403.675)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		343.554.009	1.286.363.641
Tiền chi cho vay	23		(4.200.000.000)	(6.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		-	4.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		2.604.018.641	1.366.071.235
Giảm tiền do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết			(282.128.055)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.011.996.545)	(12.397.968.799)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	38.076.680.000
Tiền thu từ đi vay	33		51.510.748.845	24.777.969.310
Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.813.628.302)	(20.204.811.563)
Tiền trả cổ tức	36		(6.506.236.000)	(6.750.094.958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.190.884.543	35.899.742.789
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(7.634.014.289)	(27.019.891.944)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		89.771.146.984	117.454.630.871
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(663.591.943)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	82.137.132.695	89.771.146.984

Ngày 28 tháng 3 năm 2018


Người lập:


 Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Công Thắng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; và
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con (1/1/2017: 5 công ty con), 1 công ty liên kết (1/1/2017: Không), 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 1 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	Lĩnh vực hoạt động	Lợi ích và quyền biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng ngành hóa chất	51%	51%
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (*)	Sản xuất, gia công cơ khí và xây dựng ngành hóa chất	-	51%
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (**)	Tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư xây dựng ngành hóa chất	100%	100%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (*)	Sản xuất, gia công cơ khí và xây dựng ngành hóa chất	36,43%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có 228 nhân viên (1/1/2017: 343 nhân viên).

(*) Trong năm 2017, Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (“CECO Hà Nội”) đã phát hành tăng vốn điều lệ. Công ty đã không thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại CECO Hà Nội mà Công ty được mua. Do đó từ ngày 26 tháng 9 năm 2017, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại CECO Hà Nội giảm từ 51% xuống còn 36,43%, và CECO Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

(**) Theo Quyết định số 121/QĐ-CECO ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã tiến hành các thủ tục giải thể Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (“CPMC”) theo đó, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ về tài sản, hợp đồng và các khoản nợ sau khi CPMC giải thể. Tại ngày phát hành báo cáo này, các thủ tục giải thể CPMC chưa hoàn thành.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu hoặc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác.

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Tổng doanh thu của bộ phận	151.028.147.937	5.210.859.528	(25.420.773.406)	130.818.234.059
Kết quả kinh doanh của bộ phận	17.222.435.302	2.657.290.033	(30.000.000)	19.849.725.335
Chi phí không phân bổ				(20.264.585.118)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				(414.859.783)
Thu nhập khác				1.307.719.565
Chi phí khác				(551.925.886)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết				88.856.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(317.966.533)
Lợi nhuận thuần sau thuế				111.823.848

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2016				
Tổng doanh thu của bộ phận	313.503.991.520	17.191.139.278	(73.031.664.005)	257.663.466.793
Kết quả kinh doanh của bộ phận	52.955.654.805	3.088.907.041	22.727.268	56.067.289.114
Chi phí không phân bổ				(45.294.399.566)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				10.772.889.548
Thu nhập khác				1.743.178.934
Chi phí khác				(750.381.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.857.509.477)
Lợi nhuận thuần sau thuế				8.908.177.990

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
31/12/2017				
Tài sản của bộ phận	308.417.910.287	18.419.677.717	(29.144.299.373)	297.693.288.631
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.181.767.482	-	-	3.181.767.482
Tài sản không phân bổ				146.523.408.915
Tổng tài sản				447.398.465.028
Nợ phải trả của bộ phận	299.265.028.064	2.993.283.477	(9.854.778.614)	292.403.532.927
Nợ phải trả không phân bổ				59.937.467.632
Tổng nợ phải trả				352.341.000.559
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Chi tiêu vốn				4.477.441.140
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.524.272.729
Khấu hao tài sản cố định vô hình				838.242.133

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
1/1/2017				
Tài sản của bộ phận	292.021.891.602	37.513.667.250	(90.072.827.860)	239.462.730.992
Tài sản không phân bổ				147.158.649.756
Tổng tài sản				386.621.380.748
Nợ phải trả của bộ phận	281.020.366.756	13.912.190.724	(67.205.602.716)	227.726.954.764
Nợ phải trả không phân bổ				53.476.564.922
Tổng nợ phải trả				281.203.519.686
Năm kết thúc ngày 31/12/2016				
Chi tiêu vốn				13.050.403.675
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.124.610.603
Khấu hao tài sản cố định vô hình				889.232.319

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam
- Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

	Việt Nam		Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào		Hợp nhất	
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày		Tại ngày và cho năm kết thúc ngày		Tại ngày và cho năm kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Doanh thu của bộ phận	130.818.234.059	123.245.572.822	-	134.417.893.971	130.818.234.059	257.663.466.793
Tài sản của bộ phận	179.458.335.304	142.031.609.731	147.302.164.055	87.712.321.046	326.760.499.359	229.743.930.777
Tài sản không phân bổ					120.637.965.669	156.877.449.971
Chi tiêu vốn					4.477.441.140	13.050.403.675

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các giao dịch quan trọng

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (“CECO Hà Nội”) đã phát hành tăng vốn điều lệ. Công ty đã không thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại CECO Hà Nội mà Công ty được mua. Do đó, từ ngày 26 tháng 9 năm 2017, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại CECO Hà Nội giảm từ 51% xuống còn 36,43%, và CECO Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

Các giao dịch có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Công ty tại CECO Hà Nội tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	282.128.055
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.797.102.087
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.476.096.500
Phải thu ngắn hạn khác	1.631.751.353
Hàng tồn kho	10.162.000.522
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	506.369.446
Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá	2.416.600.000
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(111.834.247)
Chi phí trả trước dài hạn	73.484.709
Phải trả người bán ngắn hạn	(2.598.927.334)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(4.960.158.150)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(16.700.003)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(2.329.443.750)
Phải trả ngắn hạn khác	(306.000.000)
Vay ngắn hạn	(13.871.412.750)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(60.712.525)
Tài sản thuần	6.090.343.913
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con	(2.984.268.517)
Phần tài sản thuần thuộc công ty tại ngày mất quyền kiểm soát	3.106.075.396
Vốn góp	3.060.000.000
Thay đổi giá trị khoản đầu tư vào Công ty con do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	46.075.396

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	3.149.848.166	3.148.844.631
Tiền gửi ngân hàng	28.987.284.529	23.391.252.353
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	63.231.050.000
	82.137.132.695	89.771.146.984

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần DAP số 2	37.604.285.732	33.786.740.026
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	92.934.000	3.343.442.180
<i>Bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	17.678.099.580	-
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	13.914.852.000	20.450.817.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	26.822.554.816	17.031.831.930
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	7.204.091.085	7.910.780.790
Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bào Long	4.515.102.429	5.815.102.429
Các khách hàng khác	14.704.262.154	16.861.684.533
	126.426.744.098	109.090.961.690

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào – công ty liên quan	178.887.028.173	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	65.272.983.064	-
Các khách hàng khác	7.634.148.567	10.904.279.328
	251.794.159.804	189.791.307.501

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	19.221.769.801	-
Lợi nhuận ước tính	1.049.040.159	-
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	20.270.809.960	-
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(18.370.726.212)	-
	1.900.083.748	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	8.686.328.360	11.164.103.126
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	93.405.448	38.983.000
Phải thu bảo hiểm xã hội	54.270.395	82.160.869
Kí cược, kí quỹ	10.000.000	91.110.252
Phải thu khác	704.777.088	327.007.430
	9.548.781.291	11.703.364.677

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH								
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-
Công ty Cổ phần								
Phân lân Nung chảy								
Lào Cai	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Khác	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-
		<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	-		<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.806.356.554)</u>		Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.806.356.554)</u>

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	880.615.892	-	992.106.244	-
Công cụ và dụng cụ	89.003.573	-	73.102.839	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	176.409.950.417	(119.456.149)	119.551.795.735	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	35.964.269	-
	177.407.631.124	(119.456.149)	120.652.969.087	(119.456.149)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 319 triệu VND (1/1/2017: 319 triệu VND) chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ("Dự án Muối Lào") (*)	147.302.164.055	87.712.321.046
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	7.604.610.034	9.232.548.117
Dự án khác	21.503.176.328	22.606.926.572
	176.409.950.417	119.551.795.735

(*) Theo Thông báo số VLCS(H)/TTCL(H)-L-4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào ("VILACHEMSALT") – đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN-ĐT XD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo quy định của hợp đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty đang tiếp tục làm việc với VILACHEMSALT để đàm phán về phương án tiếp tục hoặc chấm dứt thực hiện Dự án Muối Lào.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.107.417.235	12.547.227.650	2.698.143.164	12.896.357.668	44.249.145.717
Tăng trong năm	-	-	626.252.091	2.346.600.000	2.972.852.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	764.484.575	-	-	764.484.575
Thanh lý	-	(2.491.171.679)	(282.414.818)	(991.440.315)	(3.765.026.812)
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	-	-	-	(2.416.600.000)	(2.416.600.000)
Biến động khác	-	-	-	70.000.000	70.000.000
Số dư cuối năm	16.107.417.235	10.820.540.546	3.041.980.437	11.904.917.353	41.874.855.571
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.803.990.159	6.313.406.049	975.767.744	7.392.482.376	23.485.646.328
Khấu hao trong năm	917.473.250	1.538.383.065	484.328.144	1.584.088.270	4.524.272.729
Thanh lý	-	(2.488.039.843)	(107.951.719)	(991.440.315)	(3.587.431.877)
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	-	-	-	(111.834.247)	(111.834.247)
Số dư cuối năm	9.721.463.409	5.363.749.271	1.352.144.169	7.873.296.084	24.310.652.933
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.303.427.076	6.233.821.601	1.722.375.420	5.503.875.292	20.763.499.389
Số dư cuối năm	6.385.953.826	5.456.791.275	1.689.836.268	4.031.621.269	17.564.202.638

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 11.603 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 9.095 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 11.342 triệu VND (1/1/2017: 8.655 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy-vi-tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.658.166.400	3.593.950.000	5.252.116.400
Tăng trong năm	-	822.800.000	822.800.000
Số dư cuối năm	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	111.218.481	2.466.757.523	2.577.976.004
Khấu hao trong năm	40.443.084	797.799.049	838.242.133
Số dư cuối năm	151.661.565	3.264.556.572	3.416.218.137
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.546.947.919	1.127.192.477	2.674.140.396
Số dư cuối năm	1.506.504.835	1.152.193.428	2.658.698.263

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.507 triệu VND (1/1/2017: 1.546 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 19).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.523.326.263	25.571.626
Tăng trong năm	681.789.049	3.905.208.054
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(764.484.575)	(655.100.472)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(52.170.864)	(752.352.945)
Số dư cuối năm	2.388.459.873	2.523.326.263

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2017				Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2017			
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND			% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
▪ Công ty liên kết												
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (**)	Hà Nội, Việt Nam	306.000	36,43%	36,43%	3.181.767.482	(*)	-	-	-	-	-	(*)
▪ Đơn vị khác												
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh, Việt Nam	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	(*)
					4.819.767.482					1.638.000.000		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Trong năm 2017, Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (“CECO Hà Nội”) đã phát hành tăng vốn điều lệ. Công ty đã không thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại CECO Hà Nội mà Công ty được mua. Từ ngày 26 tháng 9 năm 2017, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại CECO Hà Nội giảm từ 51% xuống còn 36,43%. CECO Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	12.210.997.067	-
Công ty Cổ phần DAP Số 2 – Vinachem	304.000.000	304.000.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	11.600.632.500	11.600.632.500
Tổng Công ty 36	-	6.517.497.205
Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Bắc	-	4.158.000.000
Công ty Cổ phần Nhật Nam	-	2.170.593.816
Công ty MITCO	-	2.095.585.000
K-UTECH AG Salt Technologies	10.382.465.808	-
Các nhà cung cấp khác	12.707.200.235	15.804.376.630
	47.205.295.610	42.650.685.151

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.573.902.323	16.087.363.749	(10.078.038.023)	(6.017.547.314)	-	2.565.680.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.353.050.977	317.966.533	(996.908.371)	-	(3)	674.109.136
Thuế thu nhập cá nhân	127.846.195	782.139.785	(834.034.059)	-	(16.700.000)	59.251.921
Các loại thuế khác	14.612.947	9.000.000	(9.000.000)	-	-	14.612.947
	4.069.412.442	17.196.470.067	(11.917.980.453)	(6.017.547.314)	(16.700.003)	3.313.654.739

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước chi phí các công trình	19.323.457.394	20.379.419.457
- Dự án Đạm Cà Mau	14.543.625.438	-
- Dự án Muối mỏ Việt Lào	-	5.505.446.820
- Dự án DAP số 2	3.178.531.700	3.178.531.700
- Các dự án khác	1.601.300.256	11.695.440.937
Trích trước chi phí lãi vay	203.718.765	294.026.527
Trích trước khác	582.924.442	775.205.143
	20.110.100.601	21.448.651.127

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vay

a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	14.071.937.544	51.106.308.845	(26.813.628.302)	(13.871.412.750)	24.493.205.337
Vay dài hạn đến hạn trả	-	173.340.000	-	-	173.340.000
	14.071.937.544	51.279.648.845	(26.813.628.302)	(13.871.412.750)	24.666.545.337

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai (*)	VND	7,5%	7.997.994.587	5.991.937.544
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hoàn Kiếm (**)	VND	8% - 8,4%	8.012.390.750	-
Vay cá nhân (***)	VND	9,5%	8.482.820.000	8.080.000.000
			24.493.205.337	14.071.937.544

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.507 triệu VND (1/1/2017: 1.546 triệu VND) (Thuyết minh 13) và tài sản cố định có giá trị còn lại là 10.780 triệu VND (1/1/2017: 8.655 triệu VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 12).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bởi bất động sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của Giám đốc Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam.

(***) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hoàn Kiếm	VND	9,1%	2020	404.440.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(173.340.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				231.100.000	-

Khoản vay từ ngân hàng còn hạn mức được đảm bảo bởi một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 562 triệu VND (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	29.885.180.000	14.121.683.888	11.711.805.410	8.918.815.594	-	64.637.484.892
Phát hành cổ phiếu trong năm	29.885.180.000	-	-	8.191.500.000	-	38.076.680.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	8.157.958.963	750.219.027	-	8.908.177.990
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	532.533.000	532.533.000
Phân bổ vào các quỹ	-	4.336.006.879	(4.336.006.879)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(15.365.483)	-	(15.365.483)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	28.445.621	-	-	28.445.621
Cổ tức	-	-	(5.977.030.812)	(773.064.146)	-	(6.750.094.958)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000	105.417.861.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	(477.787.822)	589.611.670	-	111.823.848
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	1.140.500.000	1.140.500.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	(1.477.992.000)	(1.477.992.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	85.295.945	(85.295.945)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(662.098.388)	(38.961.137)	-	(701.059.525)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(5.977.036.000)	(529.200.000)	-	(6.506.236.000)
Biến động do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	-	(16.846.425)	3.682.026	(2.984.268.517)	-	(2.997.432.916)
Biến động khác	-	-	70.000.000	-	-	70.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000	95.057.464.469

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	5.977.036	59.770.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	5.977.036	59.770.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2017 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	24,86%	14.858.820.000
Cổ đông cá nhân	1.011.026	16,92%	10.110.260.000
Các cổ đông khác	1.692.636	28,31%	16.926.360.000
	5.977.036	100,00%	59.770.360.000

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 khoản cổ tức 5.977 triệu VND (2016: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Trong đơng VND	Nguyên tệ	Trong đơng VND
USD	8.572	194.639.182	8.601	195.182.686
LAK	100	280	2.949.600.000	7.226.520.000
EUR	390	10.638.772	496.487	11.842.201.007
		205.278.234		19.263.903.693

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	109.709.088.412	206.234.439.487
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	15.898.286.119	35.120.227.622
▪ Bán hàng	2.930.573.632	12.450.979.780
▪ Doanh thu khác	2.310.831.396	4.708.249.498
	130.848.779.559	258.513.896.387
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(30.545.500)	(850.429.594)
Doanh thu thuần	130.818.234.059	257.663.466.793

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	97.511.045.639	172.527.091.531
Hoạt động tư vấn thiết kế	10.903.893.590	14.966.853.911
Hoạt động bán hàng	651.782.295	11.375.071.302
Hoạt động khác	1.901.787.200	2.727.160.935
	<hr/>	<hr/>
	110.968.508.724	201.596.177.679

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.604.018.641	1.478.039.177
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	290.827.197
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	636.327.119	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	121.000	-
	<hr/>	<hr/>
	3.240.466.760	1.768.866.374

28. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.392.100.603	724.723.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.522.246	85.453.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	210.420.808	663.591.943
Chi phí tài chính khác	12.420.822	5.985.169
	<hr/>	<hr/>
	1.663.464.479	1.479.754.751

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương	4.740.513.015	23.494.109.274
Chi phí đồ dùng văn phòng	857.507.126	348.899.747
Chi phí khấu hao	2.176.934.288	2.025.450.179
Thuế, phí và lệ phí	834.973.419	862.218.850
Xóa sổ khoản tạm ứng và phải thu từ cán bộ, nhân viên	-	1.195.213.070
Chi phí bảo hiểm	1.021.357.967	731.089.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.210.301.584	16.926.530.617
	<hr/>	<hr/>
	21.841.587.399	45.583.511.189

30. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	165.959.074	567.363.641
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	-	416.231.410
Khác	1.141.760.491	759.583.883
	<hr/>	<hr/>
	1.307.719.565	1.743.178.934

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	122.537.680.338	200.706.762.588
Chi phí nhân công	42.046.735.815	77.442.192.241
Chi phí khấu hao	5.362.514.862	5.013.842.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.836.640.275	34.518.492.875
Chi phí khác	5.046.680.037	4.024.520.639

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	429.790.381	11.765.687.467
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	85.958.076	2.353.137.493
Chi phí không được khấu trừ thuế	92.113.647	504.371.984
Ảnh hưởng do các bút toán hợp nhất	(17.771.297)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	182.930.073	-
Lỗi tính thuế sử dụng	(25.263.966)	-
	317.966.533	2.857.509.477

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(477.787.822)	8.157.958.963
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<u>(477.787.822)</u>	<u>8.157.958.963</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty và các công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty và các công ty con trích thêm quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	5.977.036	2.988.518
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 4 tháng 10 năm 2016	-	720.519
	<u>5.977.036</u>	<u>3.709.037</u>

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Cổ đông lớn		
Cổ tức	1.787.492.000	3.718.695.300
Các công ty con và công ty liên kết của cổ đông lớn		
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	-	360.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2		
Cung cấp dịch vụ	3.721.768.824	-
Mua hàng hóa	-	276.363.636
Công ty Cổ phần Hoi kỹ nghệ Que hàn		
Mua hàng hóa	-	226.339.000
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	134.838.034.460
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Cung cấp dịch vụ	445.000.000	2.614.553.844
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		
Cung cấp dịch vụ	-	825.083.093
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Cung cấp dịch vụ	-	986.228.182
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển		
Cung cấp dịch vụ	69.470.909	5.337.256.363
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	951.535.455	2.867.802.728
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix		
Cung cấp dịch vụ	42.965.000	2.130.403.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền		
Cung cấp dịch vụ	-	100.000.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	340.909.091	409.090.909

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	-	530.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	882.313.023	1.341.974.914
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền thù lao	240.000.000	240.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND
Bù trừ gốc vay phải thu và khoản phải trả	6.311.967.942	-

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc